

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2017/HSST
Ngày: 15/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Sâm.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Mão.
2. Bà Đồng Thị Thanh Hương.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Giang Thị Thúy Thu, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Thùy, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 98/2017/ HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **LÊ VĂN S** (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1989, tại Ninh Bình; Trú tại: Số nhà 08, ngách 26/100, đường C, phố 6, phường Đ, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hoá: 12/12; Con ông: Lê Văn T, sinh năm 1966; con bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964; Vợ: Trần Thị T và 02 con: lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án; Tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2016 đến ngày 08/11/2016 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. (Có mặt).

2. Họ và tên: **ĐÀO THỊ HÀ T** (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1993, tại Ninh Bình; Trú tại: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hoá: 12/12; Con ông: Đào Sỹ T, sinh năm 1966; con bà: Vũ Thị H, sinh năm 1969; Chồng, con: Chưa có; Tiền án; Tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2016 đến ngày 08/11/2016 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. (Có mặt).

3. Họ và tên: **ĐỖ MINH H** (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1974, tại A Phòng; Trú tại: Số 10/2 đường T, phường C, Quận N, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hoá: 12/12; Con ông: Đỗ Ngọc S, sinh năm 1933 (đã chết); con bà: Vũ Tuyết M, sinh năm 1938; Vợ: Nguyễn Thị L; có 01 con sinh năm 2012; Tiền án; Tiền sự: Chưa có; Bị can bị tạm giữ từ ngày 31/10/2016 đến ngày

09/11/2016 chuyển tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay (Có mặt).

4. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ N** (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1995, tại N; Trú tại: Phố T, thị trấn N, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hoá: 12/12; Con ông: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973 (đã chết); con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Chồng, con: Chưa có; Tiền án; Tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/10/2016 đến ngày 05/11/2016 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay (Có mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Lê Văn M, Sinh năm 1998; Trú tại: Tổ 22, phường T, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Chị Bùi Thị A, Sinh năm 1995; Trú tại: Thôn T, xã ĐP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị L, Sinh năm 1986; Trú tại: Số 10/2 đường T, phường C, Quận N, thành phố HP. (Có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964; Trú tại: Số nhà 08, ngách 26/100, đường C, phố 6, phường Đ, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

- Ông Đào Sỹ T, sinh năm 1966, (Vắng mặt).

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1969; Cùng trú tại: Thôn B, xã NA, huyện H, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

- Ông Nguyễn Kỳ T, Sinh năm 1959; Trú tại: Số 18/120 phố L, phường G, Quận N, thành phố HP. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Lê Văn S, Đào Thị Hà T, Đỗ Minh H, Nguyễn Thị N bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Văn S và Đào Thị Hà T thường xuyên chung sống với nhau. Để có tiền chi tiêu và sử dụng ma túy, S và T đã nhiều lần mua ma túy của Đỗ Minh H, sinh năm 1974 trú tại phường Cầu Đất, thành phố A Phòng và người có tên là Tâm không rõ lai lịch địa chỉ ở thành phố A Phòng về phân chia với mục đích để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện để kiếm lời, nguồn tiền mua ma túy là của S và T, việc mua bán ma túy là do S chỉ đạo, có lần S và T đi bán, có lần T đi bán, có lần các đối tượng nghiện đến nơi trọ của S và T mua ma túy, trong đó có Nguyễn Thị N sinh năm 1995, trú tại phố T, thị trấn N, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình, sau khi mua ma túy của S và T, N lại đem bán lại cho đối tượng nghiện khác để kiếm lời. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 10/2016 các bị cáo trên đã nhiều lần bán ma túy cụ thể như sau:

Đối với Lê Văn S và Đào Thị Hà T:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 30/9/2016, khi T đang ở phòng trọ của S và T ở phố K, phường N, thành phố Ninh Bình thì nhận được điện thoại của Bùi Thị A,

sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã ĐP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình là người quen từ trước điện thoại cho T hỏi mua 05 viên thuốc lắc với giá 300.000đồng/1 viên. T đồng ý và hẹn A đến nhà trọ ở phố K, phường N, thành phố Ninh Bình. Sau khi gọi điện cho T, A một mình đi xe taxi từ nơi trọ ở thôn Hậu xã N, thành phố Ninh Bình đến nhà trọ của T ở phố K, phường N, thành phố Ninh Bình, lúc này do S đi về nhà S ở phố 6, phường Đ, thành phố Ninh Bình chỉ có mình T ở nhà trọ, T đó lấy 05 viên thuốc lắc (là số ma túy của S và T) trong túi sách của S và T ra bán cho A với giá 1.500.000đồng. Số tiền này T và S đã dùng để chi tiêu chung.

Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 26/10/2016 khi S và T đang đi chơi ở khu vực đường TA, phố T, phường TT, thành phố Ninh Bình thì Nguyễn Thị N điện thoại cho T hỏi mua 03 viên thuốc lắc với giá 300.000đồng/1 viên, T đồng ý hẹn N đến khu vực trước cửa khách sạn Khánh Linh, phố Tân Thịnh, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình. Sau đó S điều khiển xe ô tô Maazada 323, BKS 35A-077.02 chở T đến nơi hẹn gặp N. T bảo S đưa 03 viên thuốc lắc để bán cho N, S đưa 03 viên thuốc lắc cho T, sau đó T hạ cửa kính ghế phụ xe ô tô rồi bán cho N 03 viên thuốc lắc và cho nợ tiền. Đến chiều ngày hôm sau N mang tiền đến nhà trọ của S và T ở Phố K, phường N, thành phố Ninh Bình trả cho T 900.000đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 29/10/2016 T, S đang ở quán ăn Jollibee thuộc phố Phúc Trung, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, thì Nguyễn Thị N điện thoại cho S hỏi mua thuốc lắc. S đưa máy điện thoại của S cho T nghe máy, nhưng do máy của S bị hỏng nên không nghe được nên N tiếp tục nhắn tin cho T hỏi mua 09 viên thuốc lắc (MDMA). T đồng ý và hẹn N đến cửa quán ăn Jollibee gặp T. Sau đó T nói lại với S là N hỏi mua thuốc lắc và bảo S đưa chìa khóa xe ô tô mở lấy thuốc lắc trong túi sách để ở trong xe ô tô bán cho N, S đồng ý. Khi N đến nơi hẹn gặp T, T đã bán cho N một túi nilon màu trắng bên trong chứa 09 viên thuốc lắc với giá 300.000đồng/1viên và cho N nợ tiền.

Lần thứ tư: Khoảng 21 giờ ngày 29/10/2016 sau khi vừa bán cho Nguyễn Thị N 09 viên thuốc lắc, Lê Văn S nhận được điện thoại của Tạ Xuân S (còn gọi là S đen), sinh năm 1996, trú tại thôn V, xó K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình hỏi mua 05 gam ma túy đá và 06 viên thuốc lắc. S đồng ý hẹn S (đen) đến khu vực Cầu Vững Trắm, thuộc phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình. Sau đó S điều khiển xe ô tô Mazda 323, BKS 35A - 077.02 cùng T đến gặp S (đen). S bảo T “đưa 05 gam ma túy đá và 06 viên thuốc lắc để bán cho khách”. T lấy số ma túy trong túi xách đưa cho S. S hạ cửa kính ghế lái xe ô tô bán cho S (đen) 05 gam ma túy đá giá 2.500.000đồng và 06 viên thuốc lắc giá 300.000đồng/1 viên. S (đen) đưa cho Lê Văn S tổng số tiền là 4.300.000đồng, S nhận tiền và đưa cho T cầm.

Ngày 30/10/2016 tổ công tác phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Ninh Bình phối hợp với Công an phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình kiểm tra phòng 310 khách sạn GOLD thuộc phố , phường N, thành phố Ninh

Bình phát hiện trong phòng có Lê Văn S cùng Đào Thị Hà T. Quá trình kiểm tra S và T đã tự giác giao nộp 01 túi sách màu nâu bên trong có 24 túi nilon, trong các túi nilon có các viên nén và chất kết tinh màu trắng, T và S khai nhận số ma túy trên mua của một người đàn ông tên T, ở thành phố A P ngày 23/10/2016 mang về phân chia để sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện để kiếm lời. Ngoài ra còn thu giữ của T và S 03 điện thoại di động, số tiền là 119.000.000đồng; 01 cân điện tử màu đen và 01 xe ô tô Mazda 323 màu đen, BKS 35A - 077.02.

Tiến hành cân trọng lượng số ma túy thu giữ của Lê Văn S và Đào Thị Hà T kết quả:

- Cân trọng lượng 11 túi ni lông trong có chất bột tinh thể màu trắng có tổng trọng lượng 0,2796 gam ký hiệu M1 gửi đi giám định.
- Cân trọng lượng 05 túi ni lông màu trắng có chất bột dạng tinh thể màu trắng có tổng trọng lượng 24,2101 gam ký hiệu M2 gửi đi giám định..
- Cân trọng lượng 04 túi ni lông màu trắng có chứa chất bột dạng tinh thể màu trắng có tổng trọng lượng 3,0697 gam ký hiệu M3 gửi đi giám định.
- Cân trọng lượng 01 gói ni lông bên trong có 31 viên nén có tổng trọng lượng 8,3136 gam ký hiệu M4 gửi đi giám định.
- Cân trọng lượng 01 túi ni lông màu trắng bên trong có 19 viên nén hình tam giác màu xanh có tổng trọng lượng 4,7091gam ký hiệu M5 gửi đi giám định.
- Cân trọng lượng 01 túi ni lông có chứa 02 viên nén màu hồng có tổng trọng lượng 0,1677gam ký hiệu M6 gửi đi giám định..
- Cân trọng lượng 01 túi ni lông có chứa 01 viên nén màu xanh có tổng trọng lượng 0,3095 gam ký hiệu M7 gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 176 ngày 04/11/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng ngà ký hiệu M1 có khối lượng 0,2796 gam; M3 có khối lượng 3,0697gam gửi tới giám định đều là chất ma túy, loại Ketamine.
- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng ký hiệu M2 có khối lượng 24,2101 gam gửi tới giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine.
- Mẫu gồm 31 viên nén hình tròn, màu trắng ngà ký hiệu M4 có khối lượng 8,3136 gam và mẫu 19 viên nén hình tam giác, màu xanh ký hiệu M5 có khối lượng 4,7091 gam gửi tới giám định đều là chất ma túy, gồm các loại Methamphetamine, MDMA.
- Mẫu hai viên nén hình tròn, màu hồng ký hiệu M6 có khối lượng 0,1677gam gửi tới giám định là chất ma túy, gồm các loại Methamphetamine, Ketamine.
- Mẫu gồm 01 viên nén hình tròn, màu xanh ký hiệu M7 có khối lượng 0,3095 gam gửi tới giám định là chất ma túy, gồm loại MDMA.

Methamphetaminne có số thứ tự 67, thuộc bảng danh mục II, nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Ketamine có số thứ tự 35, thuộc bảng danh mục III, nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

MDMA có số thứ tự 22, thuộc bảng danh mục I, nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Như vậy tổng khối lượng ma túy tổng hợp thu giữ của S và T là 41,0593 gam.

Đối với Nguyễn Thị N: Khoảng 20 giờ ngày 29/10/2016, Lê Văn M sinh năm 1998, trú tại tổ 22, phường Trung S, thành phố T, tỉnh Ninh Bình đến phòng trọ của Nguyễn Thị N và Bùi Thị A ở thôn H xã N, thành phố Ninh Bình gặp N hỏi mua 03 viên thuốc lắc, N nói hết, sau đó N bảo M đi về và hẹn tí nữa quay lại lấy. M đi ra quán nước trước cổng trường Đại học Hoa Lư thuộc thôn H, xã N, thành phố Ninh Bình ngồi chờ, đến khoảng 21 giờ M điện thoại cho N hỏi mua 10 viên thuốc lắc, N đồng ý, do A còn 01 viên thuốc lắc cho N nên N điện thoại cho Đào Thị Hà T và Lê Văn S mua 09 viên thuốc lắc (tổng cộng là 10 viên thuốc lắc). Sau khi mua được thuốc lắc của S và T, N mang về phòng trọ và nhắn tin cho M đến, N thỏa thuận với M giá 330.000đ/1viên và tiền taxi N đi mua thuốc lắc là 70.000đồng khi gặp N, M mua 03viên thuốc lắc và đưa cho N số tiền 1.050.000đồng và hẹn sẽ quay lại mua tiếp. Sau khi mua được thuốc lắc M cầm 03 viên thuốc lắc đi tìm nơi sử dụng, khi đi đến khu vực thôn H, xã N, thành phố Ninh Bõnh thì bị tổ công tác của phòng CSĐTTP về ma túy Công an tỉnh Ninh Bình phối hợp với Công an xã N, thành phố Ninh Bình làm nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện thu giữ, M đã khai nhận 03 viên thuốc lắc vừa mua của N để sử dụng.

Căn cứ vào lời khai của Lê Văn M, ngày 30/10/2016 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình ra Lệnh bắt và khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Thị N, Bùi Thị A. Quá trình khám xét thu giữ của N một túi nilon màu trắng bên trong có 07 viên dạng nén gồm 06 viên hình tròn màu trắng đục và 01 viên hình tam giác màu xanh, 02 túi nilon màu trắng chứa tinh thể màu trắng 01 điện thoại di động Iphone, số tiền 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền bán 03 viên thuốc lắc cho M; thu giữ của Bùi Thị A 01 túi ni lông bên trong có chất bột kết tinh màu trắng ngà, 01điện thoại Iphone màu trắng.

Cân trọng lượng số ma túy thu giữ của Lê Văn M, Nguyễn Thị N, Bùi Thị A kết quả.

- Cân 01 túi ni lông màu trắng bên trong có 03 viên nén màu trắng ngà thu giữ của Lê Văn M có tổng trọng lượng 0,8163 gam ký hiệu M gửi đi giám định.

- Cân 02 túi ni lông màu trắng bên trong có chất kết tinh màu trắng ngà thu giữ của Nguyễn Thị N có tổng trọng lượng 1,0689 gam ký hiệu M1.

- Cân 01 túi ni lông màu trắng bên trong có 07 viên nén trong đó có 06 viên nén màu trắng và 01 viên nén màu xanh thu giữ của Nguyễn Thị N; 06 viên nén màu trắng có tổng trọng lượng 1,6235 gam ký hiệu M2; 01viên nén dạng cục màu xanh có tổng trọng lượng 0,2406 gam ký hiệu M3 gửi đi giám định.

- Cân 01 gói ni lông màu trắng bên trong có chất bột kết tinh màu trắng ngà thu giữ của Bùi Thị A có tổng trọng lượng 1,1743 gam ký hiệu M4 gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 175 ngày 02/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận.

- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng ngà ký hiệu M1 có khối lượng 1,0689 gam; M4 có khối lượng 1,1743 gam gửi tới giám định đều là chất ma túy, loại Ketamine.

- Mẫu chất bột dạng cục màu xanh ký hiệu M3 có khối lượng 0,2406 gam, gửi tới giám định là chất ma túy gồm các loại Methamphetamine, Ketamine, MDMA.

- Mẫu gồm 06 viên nén hình tròn, màu trắng ngà ký hiệu M2 có khối lượng 1,6235 gam và mẫu gồm 03 viên nén hình tròn màu trắng ngà ký hiệu M có khối lượng 0,8163 gam, gửi tới giám định là chất ma túy gồm các loại Methamphetamine, Ketamine, MDMA.

Methamphetamine có số thứ tự 67, thuộc bảng danh mục II, nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Ketamine có số thứ tự 35, thuộc bảng danh mục III, nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

MDMA có số thứ tự 22, thuộc bảng danh mục I, nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Như vậy số ma túy thu giữ của Lê Văn M là ma túy tổng hợp của các chất Methamphetamine, Ketamine, MDMA có khối lượng 0,8163 gam; số ma túy thu giữ của Nguyễn Thị N là ma túy tổng hợp của các chất Methamphetamine, Ketamine, MDMA có khối lượng 0,8163 gam và Ketamine có khối lượng 1,0689gam. Vậy tổng khối lượng số ma túy tổng hợp thu giữ của N là 2,933 gam; số ma túy thu giữ của Bùi Thị A là Ketamine có khối lượng 1,1743 gam.

Đối với Đỗ Minh H:

Lần thứ nhất: Tối ngày 18/10/2016 Đỗ Minh H gọi điện cho Lê Văn S hẹn S mang thuốc lắc từ thành phố A về thành phố Ninh Bình bán cho S, S đồng ý. Đến khoảng 23h cùng ngày H đi xe taxi đến nhà trọ của S và T ở phố K, phường N, thành phố Ninh Bình mang theo 400 viên thuốc lắc, lúc này tại nhà trọ có S, T và anh trai của T là Đào Sỹ Minh V, S và H lên phòng ngủ tầng 2 nhà trọ bỏ thuốc lắc ra nền nhà đếm. Sau khi đếm đủ 400 viên thuốc lắc, S nói với H đi thử thuốc lắc, sau đó S, H, T và V đến quán karaoke 030 thuộc khu công nghiệp gián khẩu, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình hát karaoke. Tại đây H bỏ 10 viên thuốc lắc ra để H, S và V sử dụng, do thuốc lắc kém chất lượng nên S nói với H không mua nữa và trả cho H 2.000.000đồng tiền mua 10 viên thuốc lắc vừa sử dụng.

Lần thứ hai: Ngày 29/10/2016, Lê Văn S điện thoại cho H hỏi mua thuốc lắc, H đồng ý và hẹn đêm ngày 30 rạng sáng ngày 31/10/2016 H mang thuốc lắc về Ninh Bình bán cho S. Sau đó H đi mua 180 viên thuốc lắc của một người đàn ông không

quen biết ở thành phố A và thuê xe ô tô Inova BKS 15A-076.86 của ông Dương Văn T, sinh năm 1959, trú tại số 31/6 Trần Quang K, phường H, quận N, thành phố A rồi nhắn tin cho bạn là chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1990, trú tại tổ 18, phường L, quận K, thành phố A rủ chị H về thành phố Ninh Bình, chị H đồng ý. Đến khoảng 23h cùng ngày H điều khiển xe ô tô Inova BKS 15A-076.86 mang theo 180 viên thuốc lắc cùng chị H về thành phố Ninh Bình, khoảng 02h30' ngày 31/10/2016 khi đến thành phố Ninh Bình, H dừng xe tại cổng khu đô thị Xuân Thành thuộc phố Khánh Tân, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình và xuống xe cầm theo 01 túi ni lon bên trong có 180 viên thuốc lắc thì bị tổ công tác phòng CSĐTTP về Ma túy Công an tỉnh Ninh Bình phối hợp với Công an phường N, thành phố Ninh Bình làm nhiệm vụ phát hiện Đỗ Minh H biểu hiện có nghi vấn. Tổ công tác tiến hành kiểm tra, thấy vậy H đó ném xuống mặt đường một túi nilon màu đen nhưng bị tổ công tác phát hiện, yêu cầu H nhặt lên để kiểm tra, H khai nhận bên trong túi nilon màu đen có 180 viên thuốc lắc H mang về thành phố Ninh Bình để bán kiếm lời. Tổ công tác đã niêm phong số ma túy thu giữ của H và đưa H cùng người làm chứng về trụ sở Công an phường N lập biên bản phạm tội quả tang thu giữ của H 01 túi nilon màu đen bên trong có 180 viên thuốc lắc, 02 điện thoại di động và 01 xe ụ tụ Inova BKS 15A - 076.86.

Cân xác định trọng lượng số ma túy thu của Đỗ Minh H kết quả:

Cân 02 túi ni lông màu trắng bên trong có 180 viên nén màu trắng ngà có tổng trọng lượng 45,4251 gam ký hiệu M8 gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 177 ngày 03/11/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận.

Mẫu gồm 180 viên nén hình tròn, màu trắng ngà ký hiệu M8 có khối lượng 45,4251 gam gửi tới giám định là chất ma túy, loại MDMA.

MDMA có số thứ tự 22, thuộc bảng danh mục I, nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Như vậy khối lượng MDMA thu giữ của Đỗ Minh H là 45,4251 gam.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Lê Văn S, Đào Thị Hà T, Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Đỗ Minh H quá trình điều tra ban đầu khi bị bắt bị cáo H đó thừa nhận mang 180 viên thuốc lắc về thành phố Ninh Bình với mục đích để bán kiếm lời, sau đó bị cáo H thay đổi lời khai không thừa nhận 180 viên thuốc lắc bị thu giữ khi bắt quả tang là của mình và không mang 400 viên thuốc lắc đến nhà trọ để bán cho Lê Văn S, song tại phiên tòa bị cáo H đã khai nhận lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 96/VKS -HS, ngày 06/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố các bị cáo Lê Văn S, Đào Thị Hà T, Đỗ Minh H, Nguyễn Thị N ra trước Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng khoản 1, 5 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn

Thị N; áp dụng điểm b, m khoản 2, 5 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với Lê Văn S, Đào Thị Hà T và Đỗ Minh H.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng, không thay đổi bổ sung gì. Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn S, Đào Thị Hà T, Đỗ Minh H, Nguyễn Thị N phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b, m khoản 2, 5 Điều 194 điểm o, p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/10/2016; Phạt tiền bị cáo S từ 9 đến 10 triệu đồng.

Xử phạt: Bị cáo Đào Thị Hà T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2016; Phạt tiền bị cáo T từ 8 đến 9 triệu đồng.

- Áp dụng điểm b, m khoản 2, 5 Điều 194 điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Đỗ Minh H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2016; Phạt tiền bị cáo H từ 7 đến 8 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1, 5 Điều 194 điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N từ 27 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2016; Phạt tiền bị cáo N từ 5 đến 6 triệu đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ số ma túy đã thu giữ của các bị cáo Lê Văn S, Đào Thị Hà T, Đỗ Minh H, Nguyễn Thị N và của Lê Văn M, sau khi trích một phần để giám định số ma túy còn lại cùng 01 cân điện tử màu đen; 01 túi sách màu nâu đã cũ của S không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng, 01 điện thoại Nokia đỏ đen là của bị cáo S và 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng là của T; 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng là của Nguyễn Thị N; 01 điện thoại Nokia màu đen là của H và 01 điện thoại Nokia màu đen là của Lê Văn M.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 19.000.000đồng (Mười chín triệu) của S và T; và số tiền 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) của N;

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) của H;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà các bị cáo Lê Văn S, Đào Thị Hà T, Đỗ Minh H, Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám xét, biên bản kiểm tra hành chính, biên bản phạm tội quả tang, tang vật chứng thu giữ, biên bản cân xác định trọng lượng, bản kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình. Từ những chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ, kết luận:

Bị cáo Lê Văn S và bị cáo Đào Thị Hà T đã có 04 lần bán ma túy cho các đối tượng; Lần 1 ngày 30/9/2016 S và T bán cho Bùi Thị A 5 viên thuốc lắc với giá là 1.500.000đ; Lần 2 ngày 26/10/2016 S và T bán cho Nguyễn Thị N 3 viên thuốc lắc với giá là 900.000đ; Lần 3 ngày 29/10/2016 S, T bán cho Nguyễn Thị N 9 viên thuốc lắc với giá là 2.700.000đ; Lần thứ 4 ngày 29/10/2016 S, T bán cho Tạ Xuân S 05 gam ma túy đá và 6 viên thuốc lắc với giá là 4.300.000đ. Như vậy S và T đã bán tổng số 23 viên thuốc lắc và 05 gam ma túy đá với tổng số tiền là 9.400.000đồng. Ngoài ra S và T còn cất giấu 41,0594gam ma túy tổng hợp (loại Methamphetamine, Ketamine, MDMA) để sử dụng và mục đích bán cho các con nghiện để kiếm lời thì bị phát hiện bắt giữ.

Đỗ Minh H đã có hành vi 02 lần bán ma túy: Ngày 18/10/2016 H bán cho Lê Văn S 10 viên thuốc lắc với giá là 2.000.000đồng và ngày 31/10/2016 Đỗ Minh H mang 180 viên thuốc lắc (loại MDMA) có khối lượng 45,4251gam về thành phố Ninh Bình bán cho Lê Văn S thì bị phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo Nguyễn Thị N đã có hành vi 01 lần ngày 29/10/2016 bán cho Lê Văn M 03 viên thuốc lắc với giá là 1.050.000đồng, đồng thời cất giấu 2,933gam ma túy tổng hợp loại (Methamphetamine, Ketamine, MDMA) nhằm mục đích sử dụng và bán cho người nghiện để kiếm lời.

Như vậy hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Văn S, Đào Thị Hà T, Đỗ Minh H đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy không chỉ là chất gây nghiện còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, đến sức khỏe của con người và sự phát triển nòi giống của dân tộc, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác... Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ tác hại của việc mua bán, trao đổi các chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng chỉ vì hám lời mà các

bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ các bị cáo bất chấp coi thường pháp luật, không chịu làm ăn lương thiện, lại cố tình lao vào con đường buôn bán trái phép chất ma túy dẫn đến việc phạm tội. Hội đồng xét xử thấy hành vi, tội danh, điều luật áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo như là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia, song không mang tính tổ chức mà chỉ là đồng phạm mang tính chất giản đơn.

Xét vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án cụ thể như sau:

- Đối với bị cáo Lê Văn S: Là người trực tiếp mua ma túy, số tiền mua ma túy là của S, S là người chủ động rủ T và cùng T 4 lần bán ma túy cho các con nghiện, do vậy S giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác.

- Bị cáo Đào Thị Hà T: Đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo S, trực tiếp giúp S bán ma túy và thu tiền, vì vậy bị cáo T cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt tương xứng, nhưng thấp hơn so với bị cáo S.

- Bị cáo Đỗ Minh H: Đã có 2 lần mang ma túy từ thành phố HP vào Ninh Bình bán cho S với số lượng ma túy nhiều, vì vậy bị cáo H cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và tương xứng với mức hình phạt của bị cáo S.

- Bị cáo Nguyễn Thị N: Đã có 01 lần mua ma túy của bị cáo S và T về bán lại cho M, bị cáo phạm tội lần đầu, vì vậy bị cáo N cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Đối với bị cáo S và T: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tự thú khai nhận hành vi phạm tội trước đó; sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực giúp đỡ các cơ quan Công an phát hiện điều tra tội phạm, tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm o, p, q khoản 1 Điều 46 BLHS để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo S và T.

- Đối với bị cáo Đỗ Minh H: Bị cáo có nhân thân xấu, tại bản án số 06/HSST ngày 24/3/1998 Tòa án quân sự Quân khu 3 xử phạt 18 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Giết người”; tại bản án số 14/HSST ngày 16/10/1998 của Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 3 xử phạt 12 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” và 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy; Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS để giảm một phần hình phạt cho bị cáo H.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị N: Chưa có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS để giảm một phần hình phạt cho bị cáo N.

Căn cứ vào tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt mỗi bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian có như vậy mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân và bán lại cho các con nghiện khác thu lời bất chính, nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự; phạt tiền bị cáo S 8 triệu đồng; bị cáo T 7 triệu đồng; bị cáo H 7 triệu đồng; bị cáo N 5 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ của bị cáo S và bị cáo T, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S khai nhận đã mua của một người tên là T ở thành phố A, nhưng bị cáo S không biết lai lịch, địa chỉ cụ thể của người có tên là T và thu giữ 180 viên thuốc lắc của bị cáo Đỗ Minh H, bị cáo H khai mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực đường tàu, quận L, thành phố A, vì vậy cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

- Đối với số tiền 119.000.000đồng thu giữ của bị cáo Đào Thị Hà T, quá trình điều tra xác định trong đó có 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là tiền của ông Đào Sỹ T (bố đẻ của bị cáo T) nhờ T đưa cho ông Phạm Văn Th, sinh năm 1970, trú tại thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình để trả tiền mua xe máy, nhưng bị cáo T chưa kịp đưa cho ông Th thì bị bắt giữ. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cho ông Đào Sỹ T, ông T đã nhận đủ và không có đề nghị gì, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Còn số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) là do T và S mua bán ma túy mà có, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 chiếc xe ô tô Mazda 323, BKS 35A- 077.02 thu giữ của bị cáo Lê Văn S, quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô trên là do gia đình bị cáo S mua để cho S đi lái taxi chở khách và phục vụ nhu cầu đi lại của gia đình, bị cáo S sử dụng chiếc xe trên để đi mua bán trái phép chất ma túy gia đình S không biết. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị Th (mẹ bị cáo S) là người được Lê Văn S ủy quyền nhận lại chiếc xe Mazda 323, BKS 35A-077.02. Bà Th đã nhận lại chiếc xe trên và không có yêu cầu đề nghị gì, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 chiếc ô tô Inova BKS 15A-076.86 thu giữ của bị cáo Đỗ Minh H, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của ông Nguyễn Kỳ T, sinh năm 1959, trú tại số 18/120 phố L, phường G, quận N, thành phố A. Tối ngày 30/10/2016 ông T cho ông Dương Văn T, sinh năm 1959, trú tại số 31/6 Trần Quang KA, phường H, quận N, thành phố A thuê xe, sau đó ông T đưa cho bị cáo H đi, ông T không biết việc H đi đến thành phố Ninh Bình để bán ma túy. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình đã trả lại chiếc xe trên cho ông Nguyễn Kỳ T là chủ sở hữu. Ông T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra cơ quan Công an có thu giữ số ma túy của Lê Văn M, thu giữ của các bị cáo S, T, H, N. Sau khi trích một phần để giám định số ma túy còn lại trong phong bì đã được niêm phong theo quy định của pháp luật. Xét thấy vật chứng trên là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc túi sách màu nâu đã cũ và 01 cân điện tử thu giữ của bị cáo S là đồ vật dụng cụ bị cáo dùng để đựng ma túy và chia ma túy ra để bán, không có giá trị sử dụng, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 19.000.000 (Mười chín triệu đồng) thu giữ của S và T do bán ma túy mà có và số tiền 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của N do N bán ma túy cho M mà có. Do vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của H do bán ma túy cho S mà có.

- Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng trắng của bị cáo N; 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen của Lê Văn M; 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng trắng, 01 điện thoại Nokia màu đỏ, đen của Lê Văn S; 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng hồng của Đào Thị Hà T; 01 điện thoại Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Đỗ Minh H là những chiếc điện thoại mà các bị cáo dùng để liên lạc việc mua bán ma túy. Do vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu trắng thu giữ của Đỗ Minh H. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại trên là của chị Nguyễn Thị L vợ bị cáo H, bị cáo H mượn chiếc điện thoại trên của chị L chỉ để sử dụng đọc báo, truy cập Internet, qua kiểm tra không có sim, không có dữ liệu liên quan đến vụ án, do vậy cần trả lại cho chị Nguyễn Thị L là chủ sở hữu.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2017 giữa Công an thành phố Ninh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình. Số tiền 20.050.000đồng hiện đang quản lý tại giấy uỷ nhiệm chi ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình).

- Đối với chị Bùi Thị Thu R là người đi cùng với bị cáo H từ thành phố A đến thành phố Ninh Bình, nhưng chị R không biết mục đích của H đến thành phố Ninh Bình để bán ma túy, nên không xem xét xử lý đối với chị Bùi Thị Thu R.

- Đối với anh Lê Văn M là người mua 0,8163gam ma túy tổng hợp của bị cáo Nguyễn Thị N để sử dụng, bản thân M chưa có tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do vậy hành vi của anh M không cấu thành tội phạm tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định xử lý hành chính, phạt tiền 500.000đồng đối với M là thỏa đáng.

- Đối với anh Tạ Xuân S là người mua ma túy của bị cáo Lê Văn S để sử dụng, hiện nay Tạ Xuân S đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình để điều tra về hành vi phạm tội trong vụ án khác. Vì vậy Công an thành phố Ninh Bình đã ra Quyết định xử lý hành chính, phạt cảnh cáo đối với Tạ Xuân S là thỏa đáng.

- Đối với Bùi Thị A đã có hành vi cất giấu 1,1743gam Ketamine nhưng không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị N, Lê Văn S, Đào Thị Hà T, nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình khởi tố, xử lý riêng ở một vụ án độc lập.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn S, Đào Thị Hà T, Đỗ Minh H, Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: điểm b, m khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm o, p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S 07 (bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/10/2016; Phạt tiền bị cáo Lê Văn S 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Đào Thị Hà T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/10/2016; Phạt tiền bị cáo Đào Thị Hà T 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng: điểm b, m khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Minh H 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2016; Phạt tiền Bị cáo Đỗ Minh H 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/10/2016; Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị N 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng Điều 357 BLDS năm 2015 kể từ ngày bản án có hiệu lực đối với khoản tiền (trừ tiền án phí) mà các bị cáo phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

2. *Xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ số ma túy đã thu giữ của các bị cáo Lê Văn S, Đào Thị Hà T, Đỗ Minh H và Nguyễn Thị N và anh Lê Văn M, sau khi trích một phần để giám định số ma túy cữn lại trong các phong bì đã được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc túi sách màu nâu đã cũ không còn giá trị sử dụng và 01 cân điện tử thu giữ của bị cáo Lê Văn S.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Thị N và số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) thu giữ của bị cáo Lê Văn S và bị cáo Đào Thị Hà T.

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo Đỗ Minh H.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Iphone 6 màu hồng trắng và 01 điện thoại Nokia đỏ, đen là của bị cáo Lê Văn S;

+ 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng hồng là của bị cáo Đào Thị Hà T;

+ 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng trắng là của bị cáo Nguyễn Thị N;

+ 01 điện thoại Nokia màu đen là của bị cáo Đỗ Minh H;

+ 01 điện thoại Nokia màu đen là của anh Lê Văn M.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Luyến: 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2017 giữa Công an thành phố Ninh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình. (Số tiền 20.050.000đ (Hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) hiện đang quản lý tại giấy uỷ nhiệm chi ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình).

3. *Án phí:* Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Buộc các

bị cáo Lê Văn S, Đào Thị Hà T, Đỗ Minh H, Nguyễn Thị N mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 15/9/2017.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pA thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND- TPNB;
- THADS- TPNB;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Công an TPNB;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Sâm